

THỐNG KÊ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN NĂM HỌC 2017-2018

Khoa: Công nghệ Cơ khí

S TT	LỚP	SỐ SỐ				KẾT QUẢ RÈN LUYỆN														GHI CHÚ (không xếp loại)	
		TỔNG	NỮ	A	B	Xuất sắc		Tốt		Khá		TB.Khá		Trung Bình		Yếu		Kém			
						SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
Cao đẳng																					
Ngành: Cơ điện																					
1	15CD-CD1	51		9	42	0	0.00	0	0.00	7	13.73	40	78.43	3	5.88	0	0.00	0	0.00	1	
2	16CD-CD1	14		4	10	0	0.00	0	0.00	2	14.29	9	64.29	3	21.43	0	0.00	0	0.00	0	
CỘNG 02 Lớp		65	0	13	52	0	0.00	0	0.00	9	13.85	49	75.38	6	9.23	0	0.00	0	0.00	1	
Ngành: Cơ điện tử																					
1	15CD-CĐT1	51	1	11	40	0	0.00	2	3.92	10	19.61	31	60.78	7	13.73	0	0.00	0	0.00	1	
2	16CD-CĐT1	17		4	13	0	0.00	0	0.00	0	0.00	4	23.53	5	29.41	6	35.29	0	0.00	2	
CỘNG 02 Lớp		68	1	15	53	0	0.00	2	2.94	10	14.71	35	51.47	12	17.65	6	8.82	0	0.00	3	
Ngành: Kỹ thuật Bảo trì và sửa chữa máy CNC																					
1	16CD-CNC1	18		10	8	0	0.00	1	5.56	1	5.56	9	50.00	6	33.33	0	0.00	0	0.00	1	
CỘNG 01 Lớp		18	0	10	8	0	0.00	1	5.56	1	5.56	9	50.00	6	33.33	0	0.00	0	0.00	1	
Ngành: Bảo trì hệ thống thiết bị công nghiệp																					
1	17CI-BCN1	37		5	32	0	0.00	0	0.00	2	5.41	14	37.84	16	43.24	0	0.00	0	0.00	5	
CỘNG 01 Lớp		37	0	5	32	0	0.00	0	0.00	2	5.41	14	37.84	16	43.24	0	0.00	0	0.00	5	
Ngành: Cắt gọt kim loại																					
1	17CI-CKL1	15		3	12	0	0.00	1	6.67	7	46.67	3	20.00	0	0.00	0	0.00	0	0.00	4	
CỘNG 01 Lớp		15	0	3	12	0	0.00	1	6.67	7	46.67	3	20.00	0	0.00	0	0.00	0	0.00	4	

S TT	LỚP	SỐ SỐ				KẾT QUẢ RÈN LUYỆN														GHI CHÚ (không xếp loại)				
		TỔNG	NỮ	A	B	Xuất sắc		Tốt		Khá		TB.Khá		Trung Bình		Yếu		Kém						
						SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%					
Ngành: Công nghệ kỹ thuật cơ khí																								
1	17C1-CCK1	45	1	24	21	0	0.00	0	0.00	0	0.00	18	40.00	18	40.00	1	2.22	0	0.00	8				
2	17C1-CCK2	49	1	22	27	0	0.00	0	0.00	6	12.24	36	73.47	0	0.00	0	0.00	0	0.00	7				
3	17C1-CCK3	57		12	45	0	0.00	0	0.00	7	12.28	31	54.39	11	19.30	1	1.75	0	0.00	7				
4	17C1-CCK4	52	2	6	46	0	0.00	1	1.92	3	5.77	30	57.69	15	28.85	0	0.00	0	0.00	3				
5	17C1-CCK5	57		14	43	0	0.00	1	1.75	9	15.79	36	63.16	0	0.00	0	0.00	0	0.00	11				
6	17C1-CCK6	50		10	40	0	0.00	1	2.00	5	10.00	16	32.00	17	34.00	4	8.00	0	0.00	7				
7	17C1-CCK7	55		12	43	0	0.00	2	3.64	32	58.18	14	25.45	2	3.64	0	0.00	0	0.00	5				
8	17C1-CCK8	51		12	39	0	0.00	0	0.00	5	9.80	18	35.29	10	19.61	7	13.73	0	0.00	11				
9	17C1-CCK9	46		9	37	0	0.00	0	0.00	3	6.52	11	23.91	15	32.61	3	6.52	0	0.00	14				
10	17C2-CCK1	20		4	16	0	0.00	0	0.00	7	35.00	10	50.00	2	10.00	0	0.00	1	5.00	0				
CỘNG 09 Lớp		482	4	125	357	0	0.00	5	1.04	77	15.98	220	45.64	90	18.67	16	3.32	1	0.21	73				
Ngành: Công nghệ chế tạo máy																								
1	15CD-CTM1	46		9	37	0	0.00	0	0.00	1	2.17	21	45.65	19	41.30	1	2.17	0	0.00	4				
2	15CD-CTM2	42		11	31	0	0.00	1	2.38	3	7.14	8	19.05	27	64.29	3	7.14	0	0.00	0				
3	15CD-CTM3	52	1	15	37	0	0.00	0	0.00	4	7.69	26	50.00	18	34.62	4	7.69	0	0.00	0				
4	15CD-CTM4	50		12	38	0	0.00	3	6.00	3	6.00	24	48.00	13	26.00	4	8.00	0	0.00	3				
5	15CD-CTM5	42		11	31	0	0.00	2	4.76	3	7.14	11	26.19	21	50.00	1	2.38	0	0.00	4				
6	16CD-CTM1	63		24	39	0	0.00	0	0.00	1	1.59	8	12.70	37	58.73	6	9.52	0	0.00	11				
7	16CD-CTM2	42		11	31	0	0.00	0	0.00	2	4.76	9	21.43	24	57.14	5	11.90	0	0.00	2				
8	16CD-CTM3	58		13	45	1	1.72	1	1.72	3	5.17	11	18.97	31	53.45	0	0.00	0	0.00	11				
9	16CD-CTM4	61		22	39	0	0.00	0	0.00	3	4.92	29	47.54	24	39.34	2	3.28	0	0.00	3				
10	16CD-CTM5	57	1	26	31	0	0.00	3	5.26	3	5.26	14	24.56	20	35.09	16	28.07	1	1.75	0				
11	17C1-CTM1	45		11	34	0	0.00	0	0.00	4	8.89	18	40.00	15	33.33	0	0.00	0	0.00	8				
12	17C1-CTM2	47		8	39	0	0.00	0	0.00	8	17.02	22	46.81	3	6.38	1	2.13	0	0.00	13				
13	17C1-CTM3	28		11	17	0	0.00	0	0.00	0	0.00	10	35.71	12	42.86	0	0.00	0	0.00	6				
CỘNG 13 Lớp		633	2	184	449	1	0.16	10	1.58	38	6.00	211	33.33	264	41.71	43	6.79	1	0.16	65				

S TT	LỚP	SĨ SỐ				KẾT QUẢ RÈN LUYỆN														GHI CHÚ (không xếp loại)				
		TỔNG	NỮ	A	B	Xuất sắc		Tốt		Khá		TB.Khá		Trung Bình		Yếu		Kém						
						SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%					
Trung cấp																								
Ngành: Cắt gọt kim loại																								
1	15TCN-CKL	10		9	1	0	0.00	1	10.00	1	10.00	2	20.00	4	40.00	2	20.00	0	0.00	0				
2	16TCN-CKL	39	1	28	11	0	0.00	1	2.56	4	10.26	16	41.03	7	17.95	7	17.95	2	5.13	2				
3	17T4-CKL1	36		27	9	0	0.00	0	0.00	0	0.00	3	8.33	13	36.11	7	19.44	0	0.00	13				
CỘNG 03 LỚP		85	1	64	21	0	0.00	2	2.35	5	5.88	21	24.71	24	28.24	16	18.82	2	2.35	15				
Ngành: Công nghệ kỹ thuật cơ khí																								
1	17T4-CCK1	52		42	10	0	0.00	0	0.00	0	0.00	4	7.69	24	46.15	9	17.31	0	0.00	15				
2	17T4-CCK2	48		36	12	0	0.00	0	0.00	3	6.25	16	33.33	24	50.00	1	2.08	0	0.00	4				
CỘNG 02 LỚP		100	0	78	22	0	0.00	0	0.00	3	3.00	20	20.00	48	48.00	10	10.00	0	0.00	19				
TỔNG CỘNG (34 LỚP)		1503	8	497	1006	1	0.07	21	1.40	152	10.11	582	38.72	466	31.00	91	6.05	4	0.27	186				

* Ghi chú: Tổng số HSSV = 1.503 HSSV. Trong đó có 186 HSSV không xếp loại. Lý do: Nghi học không đánh giá rèn luyện cá nhân

P.TRƯỞNG PHÒNG CTCT - HSSV



Hoàng Ngọc Cảnh

- Từ TB trở lên = 1.222 81.30
- Yếu Kém = 95 6.32
- Không xếp loại = 186 12.38

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 10 năm 2018

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Đinh Hồng Minh